

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Tháng 04, 2024

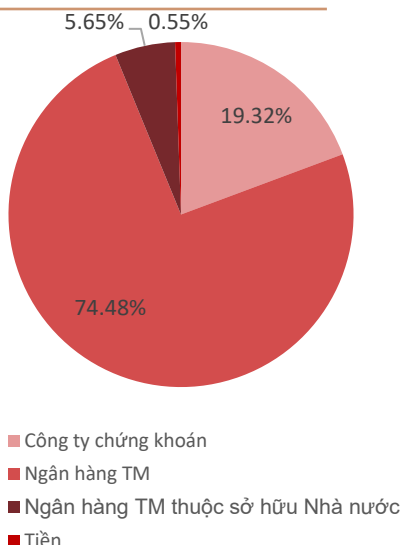
THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 30/04/2024

TÊN QUỸ	QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD
MÃ QUỸ	FUESSVFL
LOẠI HÌNH	Quỹ hoán đổi danh mục
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
NGÀY KẾT THÚC ĐĂNG KÝ GÓP VỐN	10/01/2020
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
QUY MÔ QUỸ	1,445 Tỷ VND (~56.91 triệu USD) (tại ngày 30/04/2024)
ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0.65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	72,100,000
THÀNH VIÊN LẬP QUỸ	SSI, MAS, BSC, VIETCAP, KIS, BVSC, HSC
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ	Vietcombank – Hội sở

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	20
HỆ SỐ P/E	8.78x
HỆ SỐ P/B	1.30x

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD INDEX

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính. VNFIN Share Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho > 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn (10/01/2020)
FUESSVFL	20,043.16	-6.31%	2.85%	9.29%	100.43%
VNFIN LEAD Index	1,989.74	-6.30%	3.07%	9.54%	102.70%

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

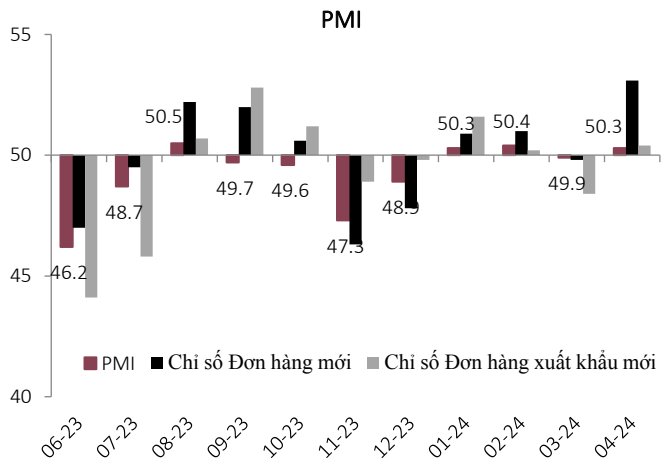
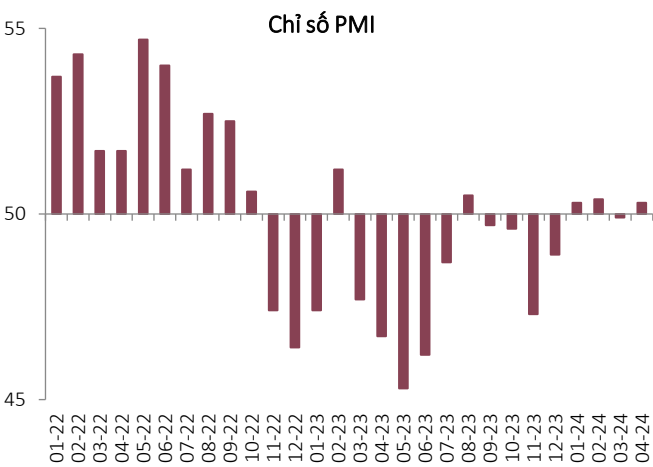


CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 04/2024

Tăng trưởng du lịch thúc đẩy tổng mức bán lẻ

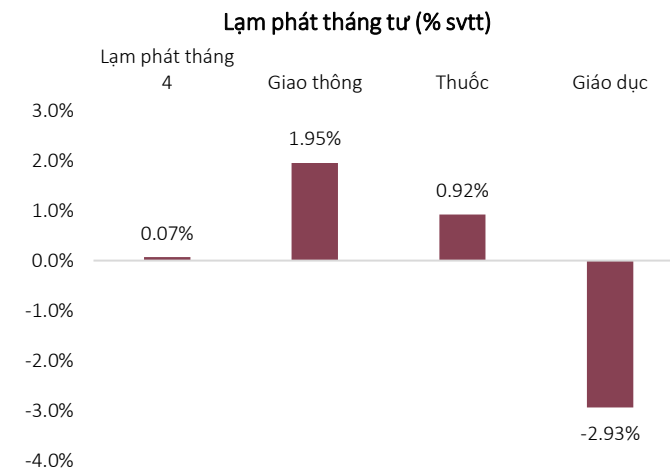
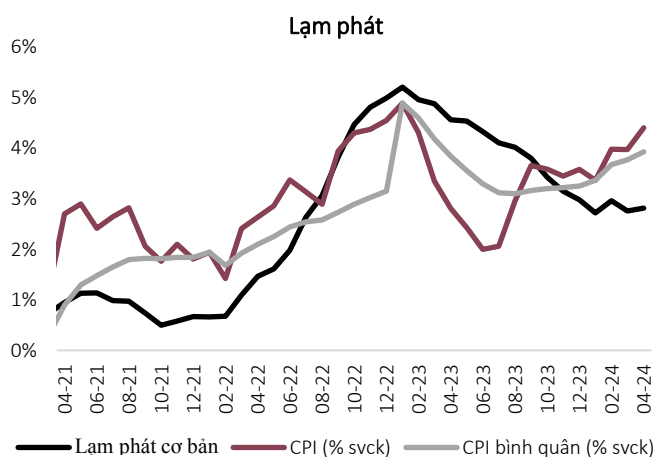
Nền kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng trong tháng 4, dẫn dắt bởi sự phục hồi của sản xuất công nghiệp và tăng trưởng mạnh mẽ lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 0.8% so với tháng trước, tương đương mức tăng 6.3% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, chỉ số PMI cũng vượt ngưỡng 50, và chạm mức 50.3 trong tháng tư, chủ yếu dẫn dắt bởi tăng trưởng sản xuất và số lượng đơn hàng mới. Cụ thể, số lượng đơn hàng mới tăng mạnh lên mức 53.1 điểm, mức cao nhất kể từ tháng 8 năm 2022 khi nhu cầu phục hồi và các nhà sản xuất giảm giá bán để thu hút người mua. Các mặt hàng sản xuất công nghiệp chính tiếp tục ghi nhận tốc độ phục hồi tăng cao, bao gồm sản phẩm điện tử (+10.2% svck), dệt may (+11%), và sản phẩm gỗ (+19.2%). Với việc các quốc gia trong khu vực tiếp tục khi nhận hoạt động sản xuất công nghiệp tăng trở lại nhờ nhu cầu hồi phục, sản xuất công nghiệp trong nước được kỳ vọng tiếp tục hưởng lợi từ sự khôi phục này.

Doanh số bán lẻ duy trì tốc độ tăng trưởng cao ở mức 9.0% so với cùng kỳ trong tháng 4, tương đương 8.5% trong 4 tháng đầu của năm 2024, được thúc đẩy bởi lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam. Doanh thu du lịch tăng mạnh 58% so với cùng kỳ trong tháng 4, với tổng số lượng du khách quốc tế hàng tháng vượt qua mức trước dịch Covid mặc dù du khách Trung Quốc chỉ đạt 73% so với mức trước đại dịch. Số lượng du khách quốc tế hàng tháng trung bình đạt 1.5 triệu người trong 4 tháng đầu năm 2024, so với 0.9 triệu trong cùng kỳ năm trước. Các nỗ lực của Chính phủ để có thể mở rộng miễn thị thực cho nhiều quốc gia hơn dự kiến sẽ tiếp tục thúc đẩy lượng du khách quốc tế đến Việt Nam trong thời gian tới. Ngoài ra, đề xuất của Bộ Tài chính để kéo dài thời gian giảm 2% thuế giá trị gia tăng đến cuối năm được kỳ vọng hỗ trợ tiêu dùng trong nước.



Giải ngân đầu tư công tăng chậm trong 4 tháng đầu năm. Cụ thể, đầu tư công chỉ tăng 5.9% so với cùng kỳ năm trước trong 4 tháng đầu năm. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng giải ngân đầu tư công sẽ có những tiến triển rõ rệt hơn trong những tháng tới, khi mà đầu tư công thường tăng tốc vào cuối năm. Vốn đầu tư FDI tiếp tục tăng trưởng ổn định, ở mức 7.4% so với cùng kỳ lên 6,3 tỷ USD, trong khi FDI đăng ký mới tăng mạnh 73% so với cùng kỳ lên mức 7.1 tỷ USD, cho thấy sức hấp dẫn của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài.

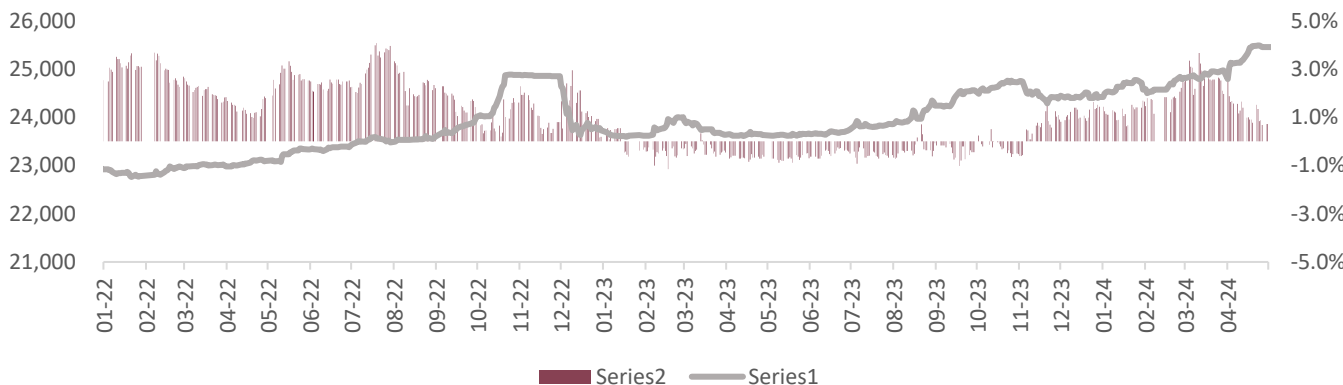
Lạm phát gần như không thay đổi trong tháng 4, khi chỉ tăng nhẹ 0.07% so với tháng trước. Hầu hết mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng đến từ việc điều chỉnh tăng giá xăng dầu trong nước (+4.8%). Tuy nhiên, số liệu tăng trưởng so với cùng kỳ cho thấy mức tăng đáng kể, với chỉ số giá tiêu dùng tăng 4.4% so với cùng kỳ trong tháng 4, từ mức 3.97% trong tháng 3, chủ yếu do mức nền thấp từ tháng 4 đến tháng 6 năm ngoái. Lạm phát cơ bản ổn định ở mức 2.8% so với cùng kỳ trong tháng 4, cho thấy lạm phát tiếp tục được duy trì trong tầm kiểm soát.



CẬP NHẬT VĨ MÔ – THÁNG 04/2024

Thị trường ngoại hối tiếp tục căng thẳng trong tháng 4 khi tiền Đồng mất giá xấp xỉ 4.8% so với đồng USD. Các đồng tiền trong khu vực cũng chứng kiến sự mất giá đáng kể khi đồng USD mạnh lên. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có những chính sách hỗ trợ tỷ giá, bao gồm tăng lãi suất trên kênh thị trường mở (OMO), làm lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng tăng lên mức cao 4.8 – 5.2%, giúp thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa tiền Đồng và đồng USD. NHNN cũng bắt đầu bán ngoại tệ nhằm ổn định thị trường ngoại hối. Mặc dù NHNN đã có những biện pháp hỗ trợ kịp thời, áp lực ngắn hạn lên tỷ giá có thể vẫn duy trì nếu đồng USD tiếp tục mạnh lên. Ngân hàng Trung ương Indonesia đã tăng lãi suất lên 6.25% để hỗ trợ đồng Rupiah. Nhìn chung, lãi suất huy động trong ngắn hạn có thể bị ảnh hưởng, và tăng 30 – 50 điểm cơ bản từ đây đến cuối năm khi mà nhu cầu tín dụng hồi phục.

Thị trường ngoại hối



Chỉ số VN-Index mất đà tăng và ghi nhận mức giảm 5.8% trong tháng 4 trước áp lực từ căng thẳng trên thị trường ngoại hối, sự giảm điểm của thị trường chứng khoán Thế giới, và thay đổi nhân sự lãnh đạo cấp cao. Điều này dẫn đến lực cầu suy yếu, phản ánh qua giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày sụt giảm xấp xỉ 20% so với tháng trước còn 0.85 tỷ USD. Ngoài ra, các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục duy trì vị thế bán ròng trong ba tháng liên tiếp, với tổng giá trị bán ròng đạt 235 triệu USD trong tháng 4. Đáng chú ý, họ chủ yếu bán ròng VHM (108 triệu USD) và MSN (27 triệu USD), trong khi mua ròng MWG (57 triệu USD), PVS (26 triệu USD) và MBB (17 triệu USD).

Trong khi hầu hết các ngành ghi nhận hiệu suất kém trong tháng 4, ngành tiêu dùng và công nghệ có mức tăng cao nhất, chủ yếu nhờ MWG (+7,4%) và FPT (+5,8%). MWG đã có kết quả kinh doanh quý 1 cải thiện, trong khi đó thông tin FPT sẽ hợp tác cùng Nvidia trong việc xây dựng nhà máy AI đã tác động tích cực lên tâm lý nhà đầu tư.

Định giá của thị trường trở nên hấp dẫn hơn, với tỷ lệ P/E 12 tháng của chỉ số VN-Index giảm xuống còn 15x, thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ P/E trung bình trong 5 năm là khoảng 17x. Do đó, chúng tôi kỳ vọng xu hướng giảm giá ngắn hạn này sẽ sớm kết thúc, và hoạt động bắt đáy sẽ tăng trong thời gian tới. Trong dài hạn, chúng tôi duy trì quan điểm tích cực về thị trường chứng khoán Việt Nam, được hỗ trợ bởi hoạt động kinh tế tăng trưởng trở lại, lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tăng tốc trong những quý tới và nỗ lực của Chính phủ trong việc nâng hạng thị trường.

TÍNH ĐẾN 26/04/2024	1 THÁNG	3 THÁNG	TĐN	2023	TỶ TRỌNG VN-INDEX	P/E 12 THÁNG	P/B HIỆN TẠI	ROE	BETA
Dịch vụ truyền thông	-9.3%	-6.7%	-10.5%	1.1%	0.1%	28.6	1.0	3.2	1.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	1.2%	14.8%	20.4%	4.1%	3.6%	18.0	2.6	5.4	1.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	-5.8%	-0.5%	-3.7%	-13.5%	8.4%	20.6	2.6	12.5	0.8
Năng lượng	-5.6%	3.8%	2.7%	19.6%	1.5%	15.7	1.4	9.1	1.1
Tài chính	-5.7%	3.9%	12.4%	21.7%	44.6%	9.9	1.6	17.0	1.1
Chăm sóc sức khỏe	-2.1%	5.9%	6.4%	12.4%	0.8%	16.1	2.0	13.9	0.6
Công nghiệp	-4.1%	4.5%	4.1%	24.8%	8.7%	17.7	1.9	8.1	1.1
Công nghệ thông tin	4.8%	26.3%	25.6%	44.1%	3.6%	23.3	5.2	24.1	0.9
Nguyên vật liệu	-8.1%	10.6%	11.7%	42.9%	9.0%	20.1	1.7	7.9	1.4
Bất động sản	-9.3%	-1.5%	-3.8%	-4.5%	13.8%	14.7	1.2	8.6	1.0
Tiện ích	-7.2%	-3.0%	-2.6%	-2.5%	5.9%	16.5	1.9	10.1	0.7
VN-Index	-5.8%	2.5%	7.0%	12.2%	100%	15.1	1.7	12.1	1.0
VN30	-4.3%	5.0%	9.6%	12.6%		11.9	1.6	14.3	



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Trong tháng 4, chỉ số VNFIN LEAD giảm -6.30% trong tháng và quỹ FUESSVFL của chúng tôi ghi nhận mức giảm tương đương -6.31%. So với thời điểm đầu năm 2024, chỉ số VNFIN LEAD tăng trưởng 9.54% trong khi hiệu quả hoạt động của quỹ FUESSVFL đạt 9.29% (cao hơn mức tăng của toàn bộ thị trường chứng khoán Việt Nam với VN-Index tăng 7.0% và VN30-Index tăng 9.6%).

Tháng 4 ghi nhận mức giảm điểm mạnh nhất trong vòng 6 tháng trước tác động của một số thông tin kém tích cực, bao gồm:

- Thay đổi nhân sự cấp cao của nhà nước
- Tỷ giá VND giảm mạnh so với USD
- Khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng mạnh
- Thị trường chứng khoán toàn cầu cùng giảm điểm

Cổ phiếu hầu hết các ngành giảm điểm ngoại trừ Dịch vụ Tiêu dùng và Công nghệ Thông tin. Trong tháng 4, ngành Dịch vụ Tiêu dùng (+6.1%) và ngành CNTT (+5.4%) là hai ngành duy nhất tăng điểm. Trong khi ngành Dịch vụ Tiêu dùng tăng chủ yếu nhờ HVN (+27.8%) và MWG (+7.4%), ngành CNTT được hỗ trợ bởi CMG (+11.8%) và FPT (+5.8%). Ở chiều ngược lại, ngành Dịch vụ Tài chính giảm mạnh 11.5%, chủ yếu do BSI (-19.0%), VIX (-18.0%), VCI (-12.6%), FTS (-12.4%), tiếp theo là ngành bất động sản (-9.0%), với BCM (-19.3%), DXG (-18.6%), KBC (-17.0%) và PDR (-17.0%).

Định giá của thị trường trở nên hấp dẫn hơn, với tỷ lệ P/E 12 tháng của chỉ số VN-Index giảm xuống còn 15x, thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ P/E trung bình trong 5 năm là khoảng 17x. Do đó, chúng tôi kỳ vọng xu hướng giảm giá ngắn hạn này sẽ sớm kết thúc, và hoạt động bắt đáy sẽ tăng trong thời gian tới. Trong dài hạn, chúng tôi duy trì quan điểm tích cực về thị trường chứng khoán Việt Nam, được hỗ trợ bởi hoạt động kinh tế tăng trưởng trở lại, lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết tăng tốc trong những quý tới và nỗ lực của Chính phủ trong việc nâng hạng thị trường.

Cập nhật kết quả kinh doanh Q1/2024 của nhóm ngân hàng

Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng nhẹ khoảng 8.3% svck (hoặc 4.6% so với quý trước) do NIM tiếp tục gặp áp lực (giảm 8 điểm cơ bản so với quý trước) trong bối cảnh tín dụng tăng trưởng yếu (tăng 2% so với đầu năm, hoặc 15% svck). Trong khi đó chất lượng tài sản suy giảm sau khi cải thiện trong Q4/2023 do yếu tố mùa vụ. Cụ thể, tỷ lệ nợ nhóm 2 và nợ xấu trên tổng dư nợ lần lượt là 2.23% (tăng 24 điểm cơ bản so với quý trước) và 1.94% (tăng 23 điểm cơ bản so với quý trước, gần với mức đỉnh tại Q3/2023 là 1.98%). Sự tăng trưởng tốt của thu nhập từ kinh doanh ngoại hối phần nào đó bù đắp cho sự sụt giảm mạnh từ hoạt động bancassurance và thu từ xử lý nợ xấu. Ngoài ra, việc kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong Q1/2024 với mức CIR là 30.7% (so với mức 31% trong Q1/2023 và 36% trong Q4/2023) là một yếu tố khác hỗ trợ cho kết quả kinh doanh của các ngân hàng.

Về tăng trưởng tín dụng: Chúng tôi nhận thấy tín dụng vẫn tăng trưởng rất yếu so với đầu năm. Khách hàng doanh nghiệp vẫn là động tăng trưởng chính, chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn. Mặc dù, chúng tôi nhận thấy một số dấu hiệu tích cực về các khoản giải ngân mới cho vay mua nhà, nhưng dư nợ cuối kỳ chưa cải thiện do hoạt động trả nợ đối với các khoản vay cũ.

Về chất lượng tài sản: Sau khi cải thiện trong Q4/2023 do yếu tố mùa vụ, nợ nhóm 2 và nợ xấu đã tăng lại ở hầu hết các ngân hàng trong Q1/2024. Tỷ lệ hình thành nợ xấu quay đầu tăng mạnh lên 2.01% (so với mức 1.12% trong Q4/2023 hay 1.9% trong quý 2 và quý 3/2023). Mức chênh lệch giữa nợ xấu trước và sau CIC tăng lên khá nhiều trong kỳ.

Về xu hướng NIM: Mặc dù lãi suất tiền gửi bình quân cải thiện đáng kể xuống còn 3.81% (giảm 210 điểm cơ bản so với mức đỉnh tại Q2/2023 hay giảm 85 điểm cơ bản so với quý trước), NIM vẫn gặp một số áp lực nhất định (3.47% tương đương mức giảm 8 điểm cơ bản so với quý trước) do tín dụng yếu và cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra mạnh mẽ hơn.

Nhìn chung, tốc độ hồi phục vẫn còn chậm và chúng tôi kỳ vọng sự hồi phục về các yếu tố cơ bản sẽ rõ rệt hơn trong nửa cuối năm 2024.

DANH MỤC ĐẦU TƯ QUỸ (%NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (triệu VND)	FOL	ROA (%)	ROE (%)	YTD 2024 (%)	P/E	P/B	CTR YTD
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	8.15	104,286,752	0%	2.36	23.03	12.34%	6.61	1.40	0.98
2	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.33	280,461,446	13%	0.99	19.08	13.36%	12.78	2.25	0.05
3	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	1.96	176,135,729	3%	1.03	16.58	21.03%	8.63	1.34	0.43
4	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	4.09	31,248,547	27%	1.03	9.05	-2.18%	15.48	1.35	(0.07)
5	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.96	19,042,419	4%	4.79	9.97	13.85%	21.55	2.17	0.09
6	HDB	Ngân hàng Phát triển TP HCM	3.55	68,736,194	1%	2.09	25.58	16.26%	6.14	1.43	0.36
7	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.88	53,454,183	4%	1.77	21.48	32.70%	7.62	1.44	0.87
8	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	6.58	117,637,620	0%	2.43	22.66	19.30%	5.80	1.20	1.37
9	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1.40	27,200,000	0%	1.80	15.32	4.62%	5.89	0.84	0.07
10	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.28	28,048,352	0%	1.59	12.49	2.63%	8.05	0.95	0.01
11	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.90	41,934,621	26%	1.25	15.75	6.02%	5.53	0.85	0.34
12	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	11.80	53,121,681	55%	3.78	10.11	7.32%	20.34	2.25	0.75
13	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	13.74	53,163,083	6%	1.23	17.93	0.89%	6.57	1.09	0.09
14	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12.36	164,149,004	0%	2.45	15.58	46.54%	8.37	1.21	4.14
15	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	1.75	39,409,267	1%	1.29	13.30	2.87%	8.66	1.14	0.06
16	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.33	509,725,123	6%	1.80	20.51	13.57%	15.69	2.95	0.46
17	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.69	20,562,500	79%	3.57	8.20	9.94%	32.92	2.48	0.15
18	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.48	53,526,639	0%	2.18	23.69	14.04%	6.44	1.41	0.23
19	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	4.99	25,148,479	80%	6.39	15.76	-7.19%	9.92	1.45	(0.39)
20	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	13.76	147,174,283	2%	1.47	9.27	-3.39%	12.07	1.05	(0.51)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

GIẢI THƯỞNG



TẠP CHÍ ALPHA SOUTHEAST ASIA

- “Công ty Quản lý Quỹ và Tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam cho các Danh mục Bảo hiểm và Chương trình Hưu trí Tư nhân” năm 2020, 2021, 2023
- “Nhà Quản lý Quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021

TẠP CHÍ THE ASSET

- “Công ty Quản lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Nhà Cung cấp ETF của Năm” 2021

TẠP CHÍ ASIANINVESTOR

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2010
- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018
- “Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022

TẠP CHÍ ASIA ASSET MANAGEMENT

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016
- “Tổng Giám đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
- “Giám đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015
- “Quỹ mới của Năm” 2020

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

ÔNG. HỒ MINH TRÍ
Giám đốc phát triển kinh doanh

T: (+84) 28 3824 2897 ext 1628
M: (+84) 90 888 9669
E: trihm@ssi.com.vn

ÔNG. NGUYỄN TRỌNG HÙNG
Phó Giám đốc đầu tư

T: (+84) 24 3936 6321
E: hungnt@ssi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

ÔNG. NGUYỄN ANH ĐỨC
Giám đốc khối Phát triển khách hàng tổ chức

M: (+84) 979 585658
E: ducna1@ssi.com.vn